TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 246/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;
2. Bà Võ Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 284/2026/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 19/9/1989, C; địa chỉ: số A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng N, sinh ngày 19/12/1979, CCCD 089079007081; địa chỉ: số A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, các biên bản làm việc tại Tòa án, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do được mai mối nên bà H với ông Lê Hoàng N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang ngày 06/6/2008, vợ chồng có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về nhà cha mẹ bên chồng sống,

cách đây khoảng hơn 04 năm thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột bà H ở ấp L, xã L, tỉnh An Giang sinh sống làm ăn buôn bán và sửa xe. Đến khoảng tháng 7 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chồng bỏ bà H trở về gia đình bên chồng sống không biết lý do và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ lúc ly thân đến nay ông N không có thiện chí hàn gắn với bà H. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà H yêu cầu ly hôn với ông N; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 27/7/2009 và Lê Thị Bảo A, sinh ngày 05/11/2022 hiện 02 con chung đang sống chung với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Hoàng N được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông N vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Hoàng N.

- Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 27/7/2009 và Lê Thị Bảo A, sinh ngày 05/11/2022, ông Lê Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng N, ông N có nơi cư trú số A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng N, bà H và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình làm việc và tại phiên Tòa, bà H xác định trong thời gian vợ chồng sống chung ông N tự ý bỏ bà H về nhà cha mẹ ruột sống đến nay không rõ lý do, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 7/2025 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà H yêu cầu ly hôn và triệu tập ông N tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã diễn ra trong thời gian dài, trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà H và ông N xác định vợ chồng có 02 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 27/7/2009 và Lê Thị Bảo A, sinh ngày 05/11/2022, hiện 02 cháu đang sống cùng bà H. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T cho thấy nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu T và cháu Bảo A do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông N cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà H. Do đó, để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu Bảo A là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xét không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Hoàng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Hoàng N.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Minh T, sinh ngày 27/7/2009 và Lê Thị Bảo A, sinh ngày 05/11/2022, ông Lê Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hoàng N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 304176 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 30 tháng 3 năm 2026. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư